

Bản án số: 28/2019/DSST

Ngày 12 tháng 09 năm 2019

“V/v: Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

+Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Sương

Bà Lê Thị Ngọc Mai

+Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2018/TLST-DS ngày 17/10 /2018 về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T, sinh 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9 thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh BRVT.

+Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà T1, sinh 1978

Địa chỉ: Số 19, tổ 9, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2016). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông H, sinh 1969. Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông K, sinh 1967.

Địa chỉ: Số 8749.S Mozart. Ave Evergreen IL. 60805, USA.(Vắng mặt)

3.2. Bà H, sinh 1969 . Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân huyện C.

+Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công V- Chủ tịch

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh 1972: Phó trưởng phòng Tài nguyên-Môi trường.(Vắng mặt)

4. Người làm chứng:

+Bà C, sinh 1946. Tổ 5, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

+Ông S, sinh 1953. Địa chỉ: Số 22/9, tổ 9, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

+Bà Đ, sinh 1955. Địa chỉ: Số 28/9, tổ 9, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

+Ông L, sinh 1959. Địa chỉ: Tổ 7 thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh BRVT.(Vắng mặt)

+Ông M, sinh 1976. Địa chỉ: Số 20/9, tổ 9, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà T và người đại diện bà T1 trình bày:

Ngày 16/12/2005 bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng (QSD) đất của bà Đoàn Thị Xoa diện tích đất 4.421m² thửa 314, 315, 316, 317, 318, 394 tờ bản đồ số 4 và nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Nguyễn Thị Thư diện tích đất 2.266m² thửa 335 tờ bản đồ số 4, có chứng thực của UBND xã Đá Bạc, khi chuyển nhượng đất của bà Xoa và bà Thư đều đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2006 bà Tín làm đơn xin cấp lại giấy chứng nhận QSD đất và xin cấp thêm diện tích 1.862m² của 2 thửa không sổ chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó diện tích đất của bà Thư là 1.000m² và diện tích đất của bà Xoa là 862m². Năm 2008 bà Tín được cấp giấy chứng nhận QSD đất số AM 988821 ngày 21/7/2008 diện tích 8.578m² thửa 355 tờ bản đồ số 4. Năm 2012 được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất mới số BH 894180 ngày 12/01/2012 diện tích 7.943m² thửa 2000 tờ bản đồ 82.

Năm 2016, ông Hùng đóng cọc trồng trọt trên phần đất của bà Tín khoảng 1.000m² trong diện tích đất được cấp 7.943m² thửa 2000 tờ bản đồ 82 của bà Tín, bà Tín khiếu nại đến UBND xã giải quyết nhưng ông Hùng không trả lại, nên mới khởi kiện yêu cầu ông Hùng trả lại 1.000m² tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số CA 977844 cấp ngày 30/11/2015 cho ông H.

Tại các bản khai bị đơn ông H trình bày: Bố mẹ của ông H là ông Trần Ta và bà C khai phá một khu đất năm 1977, năm 2003 ông Trần Ta đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích khoảng 14.476m², sau khi ông Trần Ta chết thì bà Chờ cho ông Hùng diện tích đất 987m² ở thửa 303, 304 tờ bản đồ 82 và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 977844 ngày 30/11/2015 đứng tên ông H. Nay, bà T khởi kiện đòi lại diện tích khoảng

1000m² này và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Hùng thì ông Hùng không đồng ý, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện vì diện tích đất này là của ông H.

Tại các bản khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

+*Ông K trình bày:* Ông Kỳ đồng ý với ý kiến trình bày và quyết định của vợ là bà T và xin được xét xử vắng mặt.

+*Bà H, trình bày:* Bà Hồng đồng ý với ý kiến trình bày và quyết định của chồng là ông H.

+*Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Phần diện tích đất tranh chấp 987m² thuộc thửa 303, 304 tờ bản đồ số 82 xã Đá Bạc (theo hồ sơ địa chính năm 2009) tương ứng với thửa 449, 450 tờ bản đồ số 4 xã Đá Bạc (theo hồ sơ địa chính năm 2004) đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 977844 ngày 30/11/2015 cho ông H, là năm 2003 ông Trần Ta được cấp giấy chứng nhận QSD đất số V 021235 ngày 8/9/2003 với diện tích 14.476m² gồm các thửa 449, 450, 622, 623, 624, 625, 669,, 670, 671, 672, 673, 674 tờ bản đồ số 4 xã Đá Bạc. Sau khi ông Trần Ta chết thì bà C được thừa kế của chồng là ông Trần Ta. Năm 2015 bà Chờ cho con là ông H phần diện tích đất 987m² này. Qua kết quả lồng ghép tọa độ vị trí thửa đất thì diện tích đất này tương ứng với một phần diện tích đất ở thửa 2000 tờ bản đồ số 82 mà bà T đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BH 894180 ngày 12/01/2012. Như vậy bà Tín và ông Hùng đều được cấp giấy chứng nhận QSD đất cùng vị trí thửa đất (trùng thửa đất). Qua xem xét hồ sơ địa chính lưu trữ thì phần diện tích đất tranh chấp 987m² này không thuộc phạm vi đất mà bà Tín nhận chuyển nhượng của bà Xoa, bà Thư trước đây năm 2005..(Tại Công văn số 4103 ngày 21/12/2018 của UBND huyện Châu Đức). (BL: 149). Nay có tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, vì bận công tác nên Ủy ban không thể tham gia phiên tòa và xin được vắng mặt.

Tại các bản khai người làm chứng trình bày:

+*Ông L, trình bày:* Về nguồn gốc đất thì ông Liêm không biết. Năm 2005 bà T cho ông Liêm canh tác cả khu đất trong đó có phần đất đang tranh chấp. Năm 2016 ông Hùng trồng tràm trên phần đất tranh chấp nên ông Liêm báo với bà T.

+*Ông S, trình bày:* Năm 1977 ông Sơn và ông Trần Ta (bố ông Hùng), năm 1977 cả hai ông đến vùng đất này khai phá đất. Đất nhà ông Sơn giáp ranh với đất nhà ông Ta. Năm 2008 ông Ta chết thì ông Hùng đến canh tác khu đất này cho đến năm 2016 thì thấy xảy ra tranh chấp một phần.

+*Bà Đ, trình bày:* Bố bà Điệp là ông Võ Nghi (chết) và gia đình đến vùng đất này năm 1977 cùng khai hoang đất với gia đình ông Trần Ta (bố ông Hùng). Đất nhà bà Điệp, ông Nghi giáp ranh với đất nhà ông Trần Ta. Năm 2008 ông Trần Ta chết thì ông Hùng đến quản lý sử dụng canh tác khu đất này trong đó có phần đất đang tranh chấp.

+Bà C trình bày: Bà Chờ là mẹ ông H, diện tích đất 987m² đang tranh chấp là bà Chờ cho con là ông H, diện tích đất này là một phần trong tổng diện tích đất 14.476m² mà vợ chồng bà Chờ, ông Trần Ta khai phá năm 1977 đến năm 2003 được cấp giấy chứng nhận QSD đất, đến năm 2015 cho ông H một phần diện tích đất là 987m².

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đương sự vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa hợp lệ, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số BH 894180 ngày 12/01/2012 của bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Diện tích đất tranh chấp 987m² có nguồn gốc là của vợ chồng ông Trần Ta, bà C khai phá năm 1977 và đến năm 2003 được cấp chứng nhận QSD đất, đến năm 2015 cho con là ông H diện tích đất này thuộc thửa 303, 304 tờ bản đồ số 82 tương ứng với thửa 449, 450 tờ bản đồ số 4 xã Đá Bạc. Năm 2005 bà T nhận chuyển nhượng diện tích đất 6.687m² của bà Đoàn Thị Xoa và bà Nguyễn Thị Thư không có diện tích đất 987m² ở 2 thửa đất 303 và 304 tờ bản đồ số 82 tương ứng với thửa 449, 450 tờ bản đồ số 4 xã Đá Bạc. Do đó không có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà T. Diện tích đất tranh chấp là của ông H nhưng lại cấp trong giấy chứng nhận QSD đất của bà T, nên ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của bà T là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà T và hủy một phần giấy chứng nhận QSD đất số BH 894180 ngày 12/01/2012 của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà T khởi kiện yêu cầu ông H trả lại diện tích đất khoảng 1.000 m², yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông H và vụ án có đương sự ở nước ngoài. Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Căn cứ Điều 34 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2] Xét đơn khởi kiện của bà T, về việc yêu cầu ông H trả lại diện tích đất khoảng 1.000m² ở thửa 2000 tờ bản đồ 82 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số CA 977844 ngày 30/11/2015 của ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đất tranh chấp đo thực tế là **987m²** theo sơ đồ vị trí đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức lập ngày 20/9/2018.

Diện tích đất tranh chấp 987m² ông Hùng đang sử dụng, giáp ranh với phần diện tích đất của bà Tín đang sử dụng. Bà Tín cho rằng diện tích đất 987m² này là một phần trong tổng diện tích đất của bà Tín nhận chuyển nhượng năm 2005.

+Diện tích đất của bà Tín nhận chuyển nhượng năm 2005 có nguồn gốc như sau: Năm 2005, bà T nhận chuyển nhượng (mua) của bà Đoàn Thị Xoa diện tích đất 4.421m² ở thửa 314, 315, 316, 317, 318, 394 tờ bản đồ số 4, khi chuyển nhượng bà Xoa đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số V159718 ngày 27/1/2003 sang tên cho bà T ngày 16/12/2005 tại trang 4. Cũng năm 2005, bà T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thư diện tích đất 2.266m² thửa 335 tờ bản đồ số 4, khi chuyển nhượng(mua) đất của bà Thư đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số X 518253 ngày 10/10/2003 sang tên cho bà T ngày 16/12/2005 tại trang 4. Như vậy tổng diện tích đất mà bà Tín chuyển nhượng của bà Xoa và bà Thư là 6.687m² gồm các thửa 314, 315, 316, 317, 318, 394, 335 tờ bản đồ số 4.(BL: 51, 52, 53, 54, 67, 68)

Năm 2006 bà T làm đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất gộp 2 diện tích đất lại với nhau. Trong đơn bà T kê khai xin cấp diện tích đất 8.549m² (BL 106). Năm 2007 bà T chỉ ranh cho cán bộ đo vẽ lập sơ đồ vị trí đất có diện tích là 8.578m² gồm các thửa 314, 315, 316, 317, 318, 332, 333, 334, 335; 394, 449, 450 tờ bản đồ số 4, thể hiện tại sơ đồ vị trí đất ngày 14/06/2007 người chỉ ranh bà T (BL:105) . Như vậy bà Tín đã chỉ ranh cho cán bộ đo vẽ thêm 2 thửa đất là 449 và thửa 450 có diện tích đất 987m² mà năm 2005 chuyển nhượng của bà Xoa, bà Thư không có 2 thửa đất này.

Năm 2008 bà T được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất số AM 988821 ngày 21/07/2008 gộp tất cả các thửa thành thửa 335 có diện tích 8.578m² tờ bản đồ số 4; tăng so với diện tích mua là 1.891m² (8.578m² – mua 6.687m²)

Năm 2012 được cấp đổi cấp giấy chứng nhận QSD đất mới số BH 894180 ngày 12/1/2012, gộp các thửa thành một thửa 2000 (trong đó có gộp thửa 449, 450) tờ bản đồ 82 với diện tích đất 7.943m² tăng so với diện tích mua năm 2005 là 1.256m². (7.943m² - 6.687m²). Diện tích đất mua năm 2005 không có thửa 449 và thửa 450 với diện tích đất 987m². (BL: 51, 52, 53, 54, 67, 68)

Bà Tin là người đại diện cho bà Tín cho rằng: Năm 2005 khi mua đất của bà Xoa, bà Thư thì có 1.000m² đất của bà Thư và 891m² đất của bà Xoa, tổng diện tích là 1.891m² chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất không rõ nằm ở thửa nào nhưng là thuộc khu đất đang tranh chấp; Năm 2006 bà Tín làm đơn xin cấp luôn diện tích đất này, nên năm 2008 đã được cấp thêm 2 thửa 449, 450 và năm 2012 mới cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất có diện tích 7.943m² tăng

so với diện tích mua năm 2005 là 1.256m^2 ; Nhưng bà Tin không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về 2 thửa đất 449, 450 và diện tích đất 1.891m^2 mua năm 2005 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất là không khớp với diện tích tăng thêm là 1.256m^2 đã cấp trong giấy chứng nhận QSD đất năm 2012 và không khớp với diện tích đất tranh chấp 987m^2 ở 2 thửa đất 449, 450.

+Diện tích đất 987m^2 ông H đang sử dụng có nguồn gốc như sau: Bố mẹ ông H là ông Trần Ta và bà C khai phá đất năm 1977, năm 2003 ông Trần Ta đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSD đất số V 021235 ngày 8/9/2003 với diện tích 14.476m^2 gồm các thửa 449, 450, 621, 622, 623, 624, 625, 669,, 670, 671, 672, 673, 674 tờ bản đồ số 4 xã Đá Bạc. Năm 2006 nhà nước thu hồi 4.517m^2 ở thửa 621. Năm 2008 ông Trần Ta chết thì bà C là vợ được thừa kế QSD đất. Năm 2010 bà Chờ tách thành 2 giấy chứng nhận QSD đất: Giấy chứng nhận QSD đất số BC 584569 ngày 20/9/2010 với diện tích 3.832m^2 ở các thửa 664, 665, 685, 699, 701 tờ bản đồ 82. Và giấy chứng nhận QSD đất số BC 584570 ngày 20/9/2010 với diện tích 5.284m^2 các thửa 303, 304, 575, 639, 640, 734 tờ bản đồ 82.

Năm 2015, bà Chờ chuyển nhượng tặng cho con là ông H ở thửa 303 diện tích đất 337m^2 và ở thửa 304 diện tích đất 650m^2 , tổng diện tích đất tặng cho là 987m^2 và ông H được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 977844 ngày 30/11/2015 với diện tích 987m^2 thửa 303, 304 tờ bản đồ 82.

Đối chiếu hồ sơ chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận QSD đất của bà T với hồ sơ tặng cho và cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông H thì thấy: Diện tích đất 987m^2 cấp ở thửa 449, 450 tờ bản đồ số 4 (đã gộp thành thửa 2000) trong giấy chứng nhận QSD đất của bà Tín cấp năm 2012 với diện tích đất 987m^2 cấp ở thửa 303, 304 tờ bản đồ số 82 trong giấy chứng nhận QSD đất của ông Hùng năm 2015 là trùng nhau (một diện tích đất cấp trong 2 giấy chứng nhận QSD đất và cấp cho 2 người)

Năm 2005 bà Tín mua của bà Xoa, bà Thư với diện tích 6.687m^2 gồm thửa 314, 315, 316, 317, 318, 394 và 335 tờ bản đồ số 4 (không có thửa 449, 450).

Diện tích đất ở thửa 449, 450 tờ bản đồ số 4: Ông Trần Ta (bố của ông H) đã đăng ký và được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, tương ứng với thửa 303, 304 tờ bản đồ 82 có diện tích 987m^2 mà ông H đã được bà Chờ vợ ông Trần Ta tặng cho và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H năm 2015 (BL: 69-76)

Như vậy diện tích đất tranh chấp 987m^2 là của ông H.

Đối chiếu với sơ đồ vị trí đất do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức lập ngày 20/9/2018, thì thấy: Diện tích đất bà Tín đang sử dụng 7.893m^2 ở thửa 2000 tờ bản đồ 82 (trong đó có thửa 449, 450 tờ bản đồ số 4 diện tích 987m^2) là nhiều hơn 987m^2 . Như vậy, bà T chỉ được quyền sử dụng đất hợp pháp là 6.906m^2 ($7.893\text{m}^2 - 987\text{m}^2 = 6.906\text{m}^2$) theo sơ đồ vị trí đất lập ngày 20/9/2018 là đã nhiều hơn diện tích đất mua năm 2005 là 219m^2 có sự chênh lệch này là do trước đây đo đạc thủ công so với đo đạc máy hiện nay.

Căn cứ quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, thì cần phải hủy một phần diện tích đất 987m² trong giấy chứng nhận QSD đất số BH 894180 mà UBND huyện Châu Đức đã cấp ngày 12/1/2012 cho bà T, vì diện tích đất này là của ông H, bà T chỉ được quyền sử dụng đất hợp pháp là 6.906m².

Từ những phân tích và nhận định trên có đủ căn cứ kết luận: Diện tích đất tranh chấp 987m² là quyền sử dụng của ông H và đã được cấp hợp pháp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 977844 ngày 30/11/2015 cho ông H. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Tín buộc ông Hùng phải trả lại diện tích đất 987m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Về chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá: Căn cứ Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí hết 4.000.000 đồng. Do đơn khởi kiện của bà Tín không được chấp nhận nên bà Tín phải chịu và đã nộp đủ.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Tín không được chấp nhận nên bà Tín phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, 34, khoản 1 Điều 37, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 12, 166, 203 Luật đất đai. Điều 26, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T*, về việc yêu cầu ông H trả lại diện tích đất 1.000m² (đo thực tế 987m²) ở thửa 2000 tờ bản đồ 82 tọa lạc tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 977844 cấp ngày 30/11/2015 của ông H.

2. *Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 894180 cấp ngày 12/01/2012 cho bà T*, cụ thể: Hủy phần diện tích đất ghi 7.943m²; Chính lý ghi lại diện tích đất là 6.906m² theo sơ đồ vị trí đất do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức lập ngày 20/09/2018. Ủy ban nhân dân huyện C có trách nhiệm chỉnh lý lại phần diện tích đất là 6.906m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà T.

3. *Về chi phí thẩm định, đo vẽ và định giá*: Chi phí hết 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Do đơn khởi kiện của bà Tín không được chấp nhận nên bà Tín phải chịu và đã nộp đủ.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000911 ngày 3/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà T được nhận lại 2.200.000 đồng (Hai triệu, hai trăm ngàn đồng)

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BRVT.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Hoàng Anh

